

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2023/HS-ST
Ngày: 25 - 9 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Văn Ánh

Bà Trần Thị Phận

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Điền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 58/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Tấn V, sinh ngày 26/8/2003 tại huyện B, tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú: Tổ E, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh T và bà Phạm Thị Kim T1; chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Chị **Lê Thị Kiều T2**, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Tổ D, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

2. Bà **Lương Thị Kim Đ**, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Tổ G, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. **Lê Hoàng K**, sinh ngày 02/5/2008. Nơi cư trú: Tổ G, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của Lê Hoàng K: Bà **Trần Thị Á**, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Tổ G, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

2. Anh **Phạm Trung N**, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Tổ G, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Tấn V và Lê Hoàng K là bạn bè với nhau, để có tiền tiêu xài K rủ V đi trộm cắp tài sản, cả hai cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 29/6/2023, Lê Hoàng K có ý định đột nhập vào nhà chị Lê Thị Kiều T2 để lấy trộm tài sản, K nhắn tin qua mạng zalo rủ V cùng đi lấy trộm tài sản thì V đồng ý. Lúc này, K đi bộ đến nhà của V rồi cả hai đi bộ đường vườn đến nhà của chị T2 (đều ở cùng xóm với nhau). Khi đến nhà của chị T2 thì K đứng ở ngoài canh đường, còn V thì leo rào vào nhà của chị T2 rồi đi vào trong phòng ngủ lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy J7 prime màu đen cất giấu vào túi quần, rồi V leo rào ra ngoài gặp K.

Khi V đi ra ngoài gặp K thì K nói với V lúc canh đường nhìn thấy 01 xe mô tô biển số 64K1 - 127.93 loại xe Wave RS màu vàng đen bạc của bà Lương Thị Kim Đ (cách nhà chị T2 khoảng 15 mét) không có người trông giữ, K kêu V cùng đi lấy trộm chiếc xe mô tô thì V đồng ý. V và K đi bộ vào nhà của chị Đ để lấy trộm xe nhưng không có chìa khóa trên xe, K thấy cửa bên hông phải nhà của chị Đ không có đóng nên K đi vào nhà lên lút lấy được chìa khóa xe đang để trên bàn rồi đem ra đưa cho V. V lấy chìa khóa xe gắn vào ổ khóa khởi động xe nổ máy rồi V điều khiển xe đi ra cầu B đến tỉnh lộ 908 thuộc xã T, huyện B đứng đợi, còn K thì đi bộ về nhà lấy xe mô tô của gia đình điều khiển đi đến gặp V.

Sau khi lấy trộm được tài sản, V và K đem điện thoại di động vừa lấy trộm được đến tiệm điện thoại di động “Nhân Nghĩa” của anh Phạm Trung N, bán cho anh N số tiền 400.000 đồng; còn xe mô tô biển số 64K1 - 127.93 K và V đi tìm chỗ bán nhưng chưa bán được nên V chạy xe về vườn dừa gần nhà V cất giấu.

Khoảng 16 giờ cùng ngày, bà Lương Thị Kim Đ và chị Lê Thị Kiều T2 về nhà phát hiện tài sản bị mất trộm nên đến Công an xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long trình báo sự việc.

Qua điều tra, Nguyễn Tấn V và Lê Hoàng K đã thừa nhận hành vi lấy trộm điện thoại di động của chị Lê Thị Kiều T2 và xe mô tô của bà Lương Thị Kim Đ.

Căn cứ vào kết luận định giá tài sản số 21 ngày 06/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện B kết luận 01 chiếc xe mô tô biển số 64K1 - 127.93 có giá trị là 4.100.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu S J7 prime có giá trị là 900.000 đồng. Tổng tài sản bị mất trộm có giá trị chung là 5.000.000 đồng.

Đối với Lê Hoàng K, sinh ngày 02/5/2008 tính đến ngày thực hiện hành vi trộm cắp tài sản (ngày 29/6/2023) thì K mới được 15 tuổi 01 tháng 27 ngày nên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Công an huyện B, tỉnh

Vĩnh Long đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo đối với K.

Xét thấy hành vi của Nguyễn Tấn V đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên vào ngày 06/7/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Tấn V về tội “Trộm cắp tài sản” và ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú để điều tra cho đến nay.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã chứng minh, giải quyết được như sau:

Đối với 01 điện thoại di động hiệu S J7 prime màu đen; 01 xe mô tô biển số 64K1 - 127.93, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 64K1 - 127.93 và chìa khóa xe Cơ quan điều tra đã thu hồi và đã trả lại cho chị Lê Thị Kiều T2 và bà Lương Thị Kim Đ. Sau khi nhận lại tài sản bị mất trộm chị T2 và bà Đ không yêu cầu gì thêm.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo A31 màu xanh thu của V, V dùng để liên lạc hàng ngày không liên quan đến việc trộm cắp tài sản. Cơ quan điều tra đã trả lại cho V.

Đối với anh Phạm Trung N, có mua điện thoại di động do V bán nhưng anh N không biết điện thoại di động do V trộm cắp mà có, nên không có cơ sở để xử lý anh N về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với số tiền 400.000 đồng mà V bán điện thoại di động cho anh N có được, anh N không yêu cầu V trả lại, cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra có sao chép vào đĩa DVD đoạn ghi hình tại thời điểm V trộm cắp tài sản của chị T2, cần lưu theo hồ sơ vụ án làm chứng cứ.

Tại cáo trạng số: 61/CT-VKSBT ngày 05/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đã truy tố bị cáo Nguyễn Tấn V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, sau khi phân tích các yếu tố cấu thành tội phạm, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả, nhân thân của bị cáo, năng lực trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Tấn V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt chính: Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 36; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn V từ 09 tháng đến 01 năm cải tạo không giam giữ.

Miễn hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Tấn V do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại chị Lê Thị Kiều T2 đã nhận lại tài sản bị mất trộm là 01 điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy J7 prime màu đen; bị hại bà Lương Thị Kim Đ đã nhận lại tài sản bị mất trộm là 01 xe mô tô biển số 64K1 - 127.93, chìa khóa xe và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 64K1 - 127.93. Sau khi nhận lại tài sản chị T2 và bà Đ không có yêu cầu gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo A31 màu xanh thu của bị cáo V, bị cáo V dùng để liên lạc hàng ngày không liên quan đến việc trộm cắp tài sản. Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo V, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với số tiền 400.000 đồng bị cáo V bán điện thoại di động cho anh N có được, anh N không yêu cầu bị cáo V trả lại, đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra có sao chép vào đĩa DVD đoạn ghi hình tại thời điểm bị cáo V trộm cắp tài sản của chị T2, đề nghị Hội đồng xét xử lưu theo hồ sơ vụ án để làm chứng cứ.

Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Tấn V nộp số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Tấn V khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đã truy tố, bị cáo V đã nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại bà Lương Thị Kim Đ trình bày: Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất trộm là 01 xe mô tô biển số 64K1 - 127.93, chìa khóa xe và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe. Bị hại không có yêu cầu bị cáo Nguyễn Tấn V phải bồi thường gì thêm, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo V.

Bị cáo Nguyễn Tấn V nói lời sau cùng: Bị cáo Nguyễn Tấn V không nói lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Trong vụ án, bị hại Lê Thị Kiều T2; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Phạm Trung N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Bị hại Lê Thị Kiều T2; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Phạm Trung N đã có lời khai tại Cơ quan điều tra và anh N có nộp đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt bị hại Lê Thị Kiều T2; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Phạm Trung N không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

[3] Xét lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Tấn V tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa. Có đủ căn cứ xác định: Vào khoảng 14 giờ, ngày 29/6/2023, bị cáo Nguyễn Tấn V cùng Lê Hoàng K rủ nhau đi lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 prime màu đen của chị Lê Thị Kiều T2 và 01 xe mô tô biển số 64K1 - 127.93 của bà Lương Thị Kim Đ. Sau khi lấy trộm được tài sản, bị cáo V và K đem điện thoại di động bán cho anh Phạm Trung N số tiền 400.000 đồng; còn xe mô tô biển số 64K1 - 127.93 thì K và bị cáo V đi tìm chỗ bán nhưng chưa bán được, bị cáo V điều khiển xe về cất giấu ở vườn dừa gần nhà bị cáo V.

Căn cứ vào kết luận định giá tài sản 01 xe mô tô biển số 64K1-127.93 có giá trị là 4.100.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu S J7 prime màu đen có giá trị là 900.000 đồng. Tổng tài sản bị mất trộm có giá trị chung là 5.000.000 đồng.

Lê Hoàng K, sinh ngày 02/5/2008 tính đến ngày thực hiện hành vi trộm cắp tài sản (ngày 29/6/2023) thì K mới được 15 tuổi 01 tháng 27 ngày nên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Công an huyện B, tỉnh Vĩnh Long đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo đối với K.

Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Tấn V đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long truy tố bị cáo Nguyễn Tấn V với tội danh cùng điều luật nêu trên là có căn cứ, hoàn toàn đúng người, đúng tội.

[4] Về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội: Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của bị cáo Nguyễn Tấn V là nguy hiểm cho xã hội làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương, bị cáo Nguyễn Tấn V là

người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ sức khỏe để lao động tạo ra của cải, vật chất cho bản thân, nhưng bị cáo lại lười lao động, chỉ thích hưởng thụ, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của các bị hại để thực hiện việc lấy trộm tài sản là 01 điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy J7 prime màu đen và 01 xe mô tô biển số 64K1 - 127.93 trị giá 5.000.000 đồng. Bị cáo thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt trái phép tài sản của các bị hại là trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác; tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác là khách thể được luật hình sự bảo vệ, nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm đến. Vì ý thức xem thường pháp luật và không tôn trọng tài sản của người khác nên khi được K rủ đi trộm cắp tài sản bị cáo đã đồng ý, bị cáo là người trực tiếp vào lấy trộm tài sản. Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là sai và vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích để thỏa mãn nhu cầu cá nhân là sau khi lấy trộm được tài sản đem bán để có tiền tiêu xài. Chính vì vậy, bị cáo V phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của bị cáo gây ra, việc đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, cần có mức hình phạt nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt sau này và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo vì bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Từ khi xảy ra sự việc cho đến nay và trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Tấn V đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản đã thu hồi lại được và đã trả cho các bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét, cân nhắc và áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện có xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

Xét bị cáo Nguyễn Tấn V có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo cũng đã nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật nên áp dụng Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử lý bị cáo là phù hợp, không cần cách ly khỏi xã hội vẫn đảm bảo việc răn đe, cải tạo, giáo dục đối với bị cáo V.

[6] Xét thấy bị cáo Nguyễn Tấn V có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nghề nghiệp và thu nhập không ổn định nên miễn hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Lê Thị Kiều T2, Lương Thị Kim Đ đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo A31 màu xanh thu của bị cáo V, bị cáo V dùng để liên lạc hàng ngày không liên quan đến việc trộm cắp tài sản. Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo V, Hội đồng xét xử chấp nhận không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với số tiền 400.000 đồng bị cáo V bán điện thoại di động cho anh N có được, anh N không yêu cầu V trả lại, cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra có sao chép vào đĩa DVD đoạn camera ghi hình tại thời điểm bị cáo V trộm cắp tài sản của chị T2, cần lưu theo hồ sơ vụ án để làm chứng cứ.

[9] Đối với Phạm Trung N có mua điện thoại di động do bị cáo V bán, nhưng N không biết điện thoại di động do bị cáo V trộm cắp mà có, nên không có cơ sở để xử lý N về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[10] Xét đề nghị của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí sơ thẩm: Buộc các bị cáo Nguyễn Tấn V nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 36; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn V 01 (một) năm cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện B, tỉnh Vĩnh Long nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Tấn V cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long để giám sát, giáo dục. Gia đình của bị cáo Nguyễn Tấn V có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Miễn hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Tấn V.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu số tiền 400.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Lưu theo hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD đoạn camera ghi hình tại thời điểm bị cáo V trộm cắp tài sản của bị hại chị Lê Thị Kiều T2 để làm chứng cứ.

(Số tiền 400.000 đồng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đang tạm giữ theo quyết định chuyển vật chứng số: 51/QĐ-VKSBT ngày 05 tháng 9 năm 2023).

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Tấn V nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Công an tỉnh Vĩnh Long (Phòng hồ sơ);
- VKSND huyện Bình Tân;
- Công an huyện Bình Tân (CQTHAHS, CQĐT, NTG);
- Chi cục THADS huyện Bình Tân;
- UBND xã Tân Thành, huyện Bình Tân;
- Bị cáo, những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Hùng